

HOWO 950D



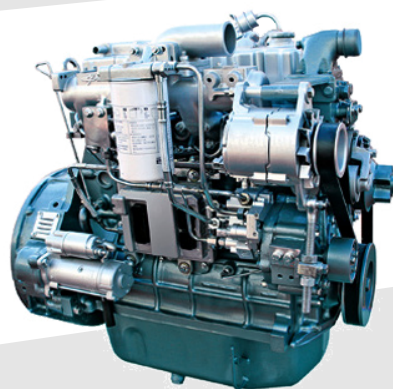
NỘI THẤT

TIỆN NGHI, SANG TRỌNG VÀ HIỆN ĐẠI



- Nội thất được trang bị hệ thống điều hòa, hệ thống giải trí Audio, cổng kết nối USB
- Đồng hồ trung tâm tích hợp màn hình LCD hiện đại hiển thị đầy đủ thông tin
- Vô lăng thiết kế với cần chỉnh hướng phù hợp với tư thế của người lái
- Nút mở cửa thiết kế hiện đại mạ crom





Động cơ Yuchai

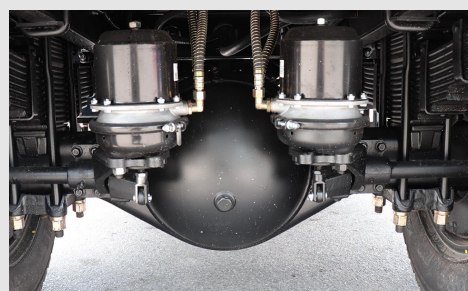
Howo 950D được trang bị động cơ Yuchai Diesel, 4 kì, 4 xi lanh thẳng hàng, tăng áp, làm mát bằng nước



Hệ thống treo trước 10 lá



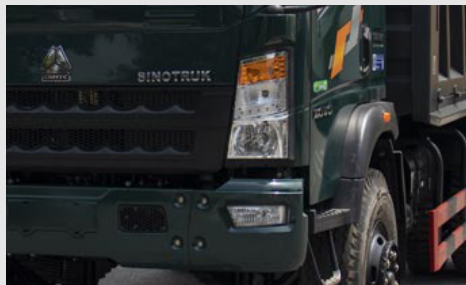
Hệ thống treo sau: nhíp chính 10 lá, nhíp phụ 8 lá
Cầu sau 10 tấn - tỉ số truyền 6,5



Hệ thống phanh tang trống dẫn động khí nén



Cụm đèn halogen chiếu sáng cường độ cao.

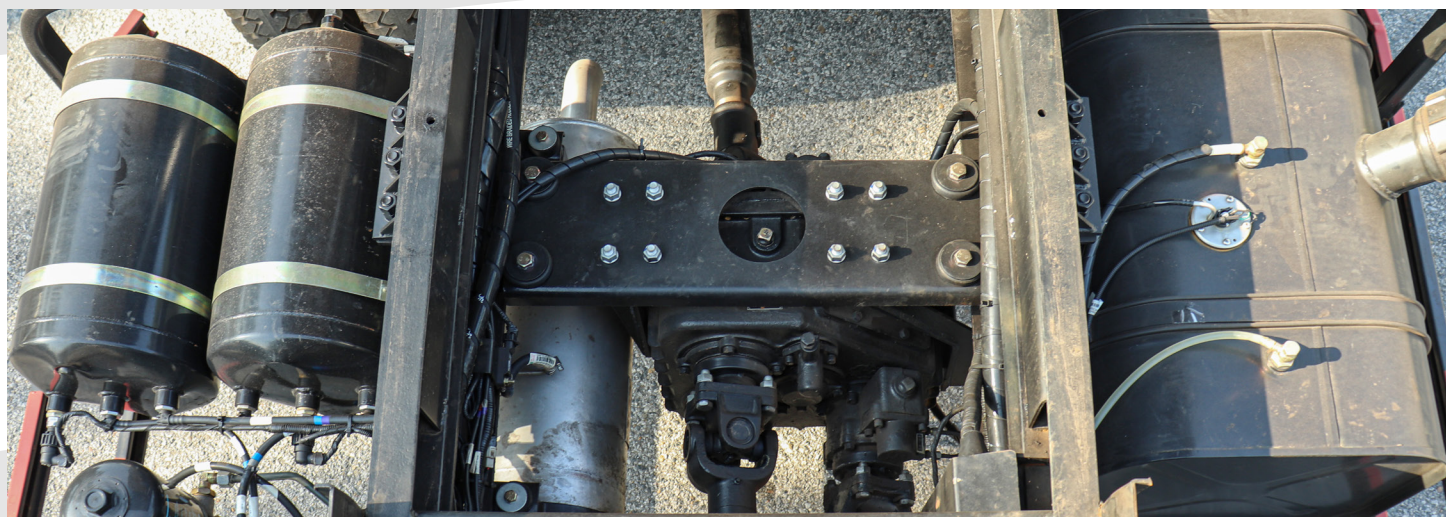


Đèn sương mù tăng sự an toàn cho người lái



Cụm gương chiếu hậu gồm 2 gương chính và các gương cầu phụ tăng khả năng quan sát

Khung xe chịu lực 2 lớp 8+5 (mm) chế tạo từ thép hợp kim chịu lực 2 lớp, sơn tĩnh điện, vững chắc, khả năng chịu tải cao



THÔNG SỐ KỸ THUẬT HOWO 950D

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATION	
KIỂU LOẠI XE	
Loại phương tiện	Ô tô tải (tự đổ)
Nhãn hiệu	TMT CNHTC
Mã kiểu loại	ST11895D-E4
Công thức bánh xe	4x2
KHỐI LƯỢNG (kg)	
Khối lượng bản thân	6690
Khối lượng chuyên chở TK lớn nhất/cho phép TGGT lớn nhất	8800/8800
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/ cho phép TGGT lớn nhất	15685/15685
Số người cho phép chở, tính cả người lái	3(195kg)
KÍCH THƯỚC (mm)	
Kích thước bao (dài x rộng x cao)	6550x2500x2750
Kích thước lòng thùng	4285x2240x740
Khoảng cách trục	3900
Vết bánh xe trước/sau	1940/1860
Vết xe bánh sau phía ngoài	2210
ĐỘNG CƠ	
Kiểu loại động cơ	YC4E160-48
Nhiên liệu, xi lanh, làm mát	Diesel, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng, tăng áp, làm mát bằng nước
Thể tích làm việc (cm³)	4260
Công suất lớn nhất (kW)/ Tốc độ quay (v/ph)	118/2600
Tiêu chuẩn khí thải	Euro 4
HỆ THỐNG TRUYỀN LỰC VÀ CHUYỂN ĐỘNG	
Kiểu loại/dẫn động ly hợp	Đĩa ma sát khô/Dẫn động thuỷ lực, trợ lực khí nén
Mã hiệu/loại/số cấp tiến - lùi/điều khiển hộp số	WLY9TS90D-40-93/Hộp số cơ khí/9 số tiến + 1 số lùi/Cơ khí
Vị trí cầu chủ động	Cầu sau
Cầu trước	FG4005005010/6; 6 tấn
Cầu sau	FG7112005040/6; 10 tấn; tỉ số truyền 6,5
Lốp	11.00-20
HỆ THỐNG TREO	
Hệ thống treo trước	10 lá
Hệ thống treo sau	Nhíp chính 10 lá, nhíp phụ 8 lá nhíp
HỆ THỐNG LÁI	
Mã hiệu	LG9716470020/4
Loại cơ cấu lái	Trục vít ê cu bi
Trợ lực	Trợ lực thuỷ lực
HỆ THỐNG PHANH	
Hệ thống phanh chính	Tang trống
Loại cơ cấu phanh	Khí nén
THÂN XE	
Cabin	Cabin lật
Loại thân xe	Khung xe chịu lực 2 lớp 8+5 (mm)
Chassis (mm)	255x70x(8+5) (mm)
Loại dây đai an toàn cho người lái	Dây đai 3 điểm
THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG	
Hệ thống Ben	FG9806745809; đường kính 180 mm
KHÁC	
Màu sắc	Tuỳ chọn
Loại ắc quy/Điện áp dung lượng	02x12Vx100Ah
Dung tích thùng dầu (lít)	165 lít
Tiêu hao nhiên liệu	Tuỳ cung đường và tải trọng